

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HOÀNG THỊ THU HUYỀN

**TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT TRONG NÔNG NGHIỆP
Ở VÙNG TÂY NAM BỘ**

Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển
Mã số: 62.31.01.05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1.PGS.TS. Nguyễn Văn Ngãi**
- 2.PGS.TS. Lê Thanh Sang**

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU	6
1.1. Nghiên cứu nước ngoài về đất đai và tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp.....	6
1.2. Nghiên cứu trong nước về tích tụ ruộng đất và các vấn đề liên quan	9
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN VỀ TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT TRONG NÔNG NGHIỆP Ở VÙNG TÂY NAM BỘ	21
2.1. Một số quan điểm về tích tụ ruộng đất và các vấn đề liên quan	21
2.2. Các lý thuyết liên quan đến tích tụ ruộng đất	23
2.3. Mô hình đánh giá tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ	31
2.4. Mô hình phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ	34
2.5. Khung phân tích Tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ.....	40
2.6. Cơ sở dữ liệu và công cụ phân tích dữ liệu.....	41
2.7. Kinh nghiệm tích tụ ruộng đất ở một số nước trên thế giới	45
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG, TÁC ĐỘNG CỦA TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT TRONG NÔNG NGHIỆP Ở VÙNG TÂY NAM BỘ	52
3.1. Thực trạng tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ	52
3.2. Tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp và đời sống kinh tế xã hội nông thôn Tây Nam Bộ	92
3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ	111
CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP VỀ TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT TRONG NÔNG NGHIỆP Ở VÙNG TÂY NAM BỘ	128
4.1. Quan điểm của Đảng và chính sách của nhà nước về phát triển nông nghiệp nông thôn và tích tụ ruộng đất	128
4.2. Bối cảnh hội nhập quốc tế	131
4.3. Quan điểm đề xuất giải pháp	132
4.4. Đề xuất giải pháp về tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ	133
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	148
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC	162

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	:	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations)
BTB&DHMT	:	Bắc trung bộ duyên hải miền trung
CNH,HDH	:	Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa
ĐBSCL	:	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐBSH	:	Đồng bằng sông Hồng
ĐNB	:	Đông Nam Bộ
FAO	:	Tổ chức nông nghiệp và lương thực (Food and Agriculture Organization)
FTA	:	Hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement)
NNPTNT	:	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NTB	:	Nam trung bộ
TD&MNPB	:	Trung du và miền núi phía bắc
TN	:	Tây Nguyên
TNB	:	Tây Nam Bộ
TPP	:	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
VHLSS	:	Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (Vietnam Household Living Standards Survey)
WB	:	Ngân hàng thế giới (World Bank)
WTO	:	Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization)
XNCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang	
Bảng 3.1	Biến động sử dụng đất nông nghiệp 2006, 2011	59
Bảng 3.2	Tình hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp 2006, 2011	60
Bảng 3.3	Cơ cấu đất nông nghiệp theo đối tượng sử dụng năm 2011	60
Bảng 3.4	Thu nhập, chi tiêu bình quân nhân khẩu 1 tháng Tây Nam Bộ và chỉ số giá cả 2002-2012	62
Bảng 3.5	Một số chỉ tiêu văn hóa vùng Tây Nam Bộ 2006, 2011	63
Bảng 3.6	Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo nhóm thu nhập vùng Tây Nam Bộ 2002-2012	63
Bảng 3.7	Tỷ lệ xã có học sinh cấp tiểu học bỏ học hoặc không đi học chia theo nguyên nhân, vùng năm 2011	64
Bảng 3.8	Tỷ lệ xã có cơ sở y tế chia theo loại cơ sở y tế và vùng 2008-2010	65
Bảng 3.9	Tỷ lệ xã có trẻ em suy dinh dưỡng và bệnh trẻ em 2008-2012	67
Bảng 3.10	Tỷ lệ xã chia theo vấn đề nổi cộm về môi trường chia theo vùng 2008-2012	67
Bảng 3.11	Cơ cấu hộ nông nghiệp theo quy mô đất sản xuất 2006, 2011	71
Bảng 3.12	Nguồn gốc các mảnh đất trồng cây hàng năm 2008	73
Bảng 3.13	Cơ cấu hộ theo quy mô đất trồng cây hàng năm 2004, 2012	76
Bảng 3.14	Vốn tích lũy bình quân 1 hộ nông thôn 2006, 2011	80
Bảng 3.15	Tỷ lệ hộ tham gia thị trường thuê đất trồng cây hàng năm 2004-2012	82
Bảng 3.16	Số trang trại phân theo lĩnh vực sản xuất có đến 01/7/2011	85
Bảng 3.17	Số lượng và cơ cấu trang trại tại thời điểm 01/7/2011 phân theo lĩnh vực sản xuất và vùng	86
Bảng 3.18	Kết quả sản xuất kinh doanh bình quân 1 trang trại trong 12 tháng qua (từ 01/7/2010-30/6/2011) phân theo vùng	88
Bảng 3.19	Kết quả hội quy Mô hình NĂNG SUẤT (MH1A1)	94
Bảng 3.20	Kết quả hội quy Mô hình THU NHẬP (MH1B1)	95
Bảng 3.21	Kết quả hội quy Mô hình NĂNG SUẤT (MH1A2)	96

Bảng 3.22	Kết quả hồi quy Mô hình THU NHẬP (MH1B2)	97
Bảng 3.23	Diện tích đất trung bình của các hộ gia đình có sở hữu đất trồng cây hàng năm phân theo 5 nhóm	103
Bảng 3.24	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn không đất	104
Bảng 3.25	Cơ cấu diện tích đất của các hộ gia đình sở hữu đất nông nghiệp phân theo 5 nhóm thu nhập	106
Bảng 3.26	Diện tích đất trung bình của các hộ gia đình sở hữu đất trồng cây hàng năm phân theo 5 nhóm thu nhập	108
Bảng 3.27	Kết quả hồi quy Mô hình THAY ĐỔI QUY MÔ RUỘNG ĐẤT (MH2A)	112
Bảng 3.28	Kết quả hồi quy Mô hình TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT (MH2B)	113

DANH MỤC CÁC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ

		Trang
Hình 2.1	Khung sinh kế bền vững	28
Hình 2.2	Đường cong Lorenz	29
Hình 2.3	Khung phân tích Tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ	41
Biểu đồ 3.1	Hệ số GNI thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo nhóm thu nhập vùng Tây Nam Bộ	64
Biểu đồ 3.2	Tỷ lệ hộ sản xuất lúa có quy mô từ 2 ha chia theo vùng 2011	72
Biểu đồ 3.3	Tỷ lệ đất trồng cây hàng năm có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vùng Tây Nam Bộ 2004-2010	74
Biểu đồ 3.4	Diện tích đất trồng lúa bình quân 1 hộ sử dụng vùng Tây Nam Bộ năm 2006, 2011	75
Biểu đồ 3.5	Diện tích đất bình quân 1 trang trại sử dụng chia theo vùng năm 2006, 2011	87

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Kể từ sau “Đổi mới” năm 1986, nhất là từ sau Nghị quyết 10 của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa VI năm 1988 (còn gọi là khoán 10), nông nghiệp Việt Nam đã có một bước đột phá mới. Hộ nông dân được thừa nhận là một đơn vị kinh tế tự chủ, có quyền bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trước pháp luật, đất đai được giao ổn định và lâu dài. Cùng với nhiều chính sách tiếp theo, nông nghiệp Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể, từ một nước thiếu lương thực đã trở thành một quốc gia xuất khẩu gạo thứ hai thế giới.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tăng trưởng nông nghiệp đang có xu hướng chậm lại và tăng trưởng của khu vực nông lâm nghiệp thủy sản luôn thấp hơn tăng trưởng kinh tế chung. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, năm 2009, kinh tế cả nước tăng trưởng 5,3% (giảm 2,6%), riêng nông lâm nghiệp thủy sản tăng trưởng chỉ còn 1,8% (giảm 3,2%) so với giai đoạn 2000-2008¹. Đến giai đoạn 2010-2014 tăng trưởng nông nghiệp có tăng trưởng trở lại, nhưng so với mức tăng trưởng chung và so với các khu vực khác thì tăng trưởng nông nghiệp vẫn thấp hơn khá nhiều (tăng trưởng nông nghiệp trung bình giai đoạn 2010-2014 là 3,22%, trong khi tăng trưởng chung là 5,86%²). Mặt khác, nông nghiệp nước ta hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào nông hộ với diện tích sản xuất bình quân khá nhỏ, đây là một trong những rào cản cho sự phát triển.

Nông nghiệp là một lĩnh vực sản xuất mang tính chất đặc thù (tư liệu sản xuất quan trọng nhất và không thể thiếu là đất đai). Bất cứ một chính sách nào liên quan đến đất đai đều có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển nông nghiệp và đời sống của người nông dân. Do đó, động lực mới cho phát triển nông nghiệp sẽ liên quan đến đất đai, và vì thế tích tụ ruộng đất là một vấn đề cần được quan tâm hiện nay.

Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long), một vùng đất được coi là vựa lúa, trái cây và thủy hải sản của cả nước. Dù được thiên nhiên ưu đãi nhưng kinh tế nông nghiệp và đời sống người nông dân Tây Nam Bộ vẫn còn nhiều khó khăn. Năm

¹ Tính toán theo Niên giám Thống kê 2010

² Tính toán theo Niên giám Thống kê 2014

2013, tỷ lệ hộ nghèo của vùng là 9,2% (dù đã giảm từ 39,6% năm 1998), tuy nhiên đây vẫn là tỷ lệ khá cao và cao hơn rất nhiều so với vùng Đồng bằng sông Hồng nơi cũng có điều kiện tự nhiên phù hợp với phát triển nông nghiệp (Niên giám thống kê 2013). Sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ tuy có quy mô lớn nhất nước nhưng vẫn đa phần là nhỏ lẻ, manh mún, hiệu quả sản xuất thấp. Để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp và đời sống của người nông dân thì việc sản xuất trên quy mô lớn với trình độ chuyên môn hóa cao phải được đặt ra mà tích tụ ruộng đất là một trong những điều kiện quan trọng.

Tuy nhiên, cho đến nay tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ vẫn chưa được nhiều nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện. Trong khi đó tích tụ ruộng đất là một hiện tượng kinh tế có tác động xã hội mạnh mẽ đang diễn ra cùng với quá trình phát triển của Tây Nam Bộ và đã được chấp nhận bởi chính sách của nhà nước trong thời gian gần đây.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc nghiên cứu về tích tụ ruộng đất ở Tây Nam Bộ là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay và đó cũng chính là chủ đề nghiên cứu được tác giả lựa chọn làm đề tài luận án tiến sĩ. Như vậy, luận án sẽ không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận trong việc xác định cơ sở khoa học cho các vấn đề liên quan đến tích tụ ruộng đất mà còn có ý nghĩa thực tiễn rất lớn trong việc tìm ra những động lực mới xuất phát từ khía cạnh đất đai cho sự phát triển nông nghiệp Tây Nam Bộ. Kết quả của đề tài còn có thể đóng góp vào việc hoạch định chính sách đất đai nông nghiệp cả nước.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là đánh giá thực trạng và tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất và đời sống kinh tế xã hội nông thôn Tây Nam Bộ, đồng thời chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất nhằm đề xuất các giải pháp thúc đẩy tích tụ ruộng đất vùng Tây Nam Bộ và giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh từ quá trình này.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết và thực tiễn về tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp.

- Phân tích chính sách đất đai, thực trạng sử dụng đất đai và tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ.

- Phân tích tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp và đời sống kinh tế xã hội nông thôn Tây Nam Bộ.

- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất vùng Tây Nam Bộ.

- Đề xuất giải pháp về tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ (thực trạng tích tụ ruộng đất, tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp và đời sống kinh tế xã hội nông thôn và những nhân tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất)

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Luận án chủ yếu tập trung nghiên cứu vấn đề tích tụ ruộng ở cấp độ hộ gia đình với ruộng đất canh tác lúa. Bên cạnh đó, luận án cũng phân tích một số nội dung liên quan đến các chủ thể tích tụ ruộng đất khác ngoài hộ gia đình và một số nông sản khác ngoài lúa.

Phạm vi không gian: Địa bàn nghiên cứu gồm toàn bộ 13 tỉnh thuộc vùng Tây Nam Bộ đối với các tài liệu thứ cấp. Nghiên cứu thực địa – Khảo sát định tính được tiến hành tại tỉnh Long An-Vùng lõi của Đồng Tháp Mười, là một trong số ba tỉnh có năng suất và sản lượng lúa cao nhất vùng Tây Nam Bộ. Khảo sát được tiến hành ở ba huyện là Vĩnh Hưng, thị xã Kiến Tường và huyện Đức Hòa.

Phạm vi thời gian: Đối với phân tích định tính, luận án chủ yếu thực hiện trong giai đoạn từ năm 1993 đến nay dựa trên các tài liệu thứ cấp và cuộc khảo sát thực địa năm 2013 của tác giả. Đối với phân tích định lượng, luận án chủ yếu sử dụng số liệu của Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam từ năm 2004 đến năm 2012 và dữ liệu Điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản 2006, 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

Hướng tiếp cận của luận án là kết hợp tiếp cận kinh tế học (hướng tiếp cận chủ yếu) và xã hội học (hướng tiếp cận bổ sung) để thấy được cả hai khía cạnh kinh tế và xã hội của tích tụ ruộng đất.